

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Sô Tha.

Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Hạnh là Thư ký Tòa án.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 431/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc “V/v Tranh chấp ly hôn” theo thủ tục rút gọn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Minh C, sinh năm 1971 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023 và bản tự khai của nguyên đơn ông Lâm Minh C trình bày: Ông và bà A quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi đám cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 27 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với bà Anh.

Về con chung: Tên Lâm Thành C1, sinh năm 1994, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Bà thống nhất ý kiến của ông C là sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên bà và ông C tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng ông sống chung tại ấp, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng bà sống hạnh phúc được đến năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống thường xuyên cử cãi với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà A xét thấy không còn tình cảm với ông C, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc, nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Lâm Minh C.

Về con chung: Đúng như ông C trình bày, vợ chồng có với nhau 01 người con chung tên Lâm Thành C1, sinh năm 1994, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà A khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hoà giải Thẩm phán đã tiến hành hòa giải động viên cho các bên thỏa thuận đoàn tụ, đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng không thành. Do đó, các vấn đề về hôn nhân, con chung, tài sản, nợ chung ông C và bà A đều thống nhất được nên không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục rút gọn, nên đã đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định. Do nguyên đơn ông Lâm Minh C và bà Nguyễn Thị A đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C và bà A theo quy định tại Điều 318, 320 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Minh C và bà Nguyễn Thị A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu rất hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì giữa các bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, việc này cả ông C và bà A đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Trường hợp nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”. Đối chiếu với trường hợp của ông C và bà A sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án không công nhận ông C và bà A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lâm Thành C1, sinh năm 1994, đã thành niên ông, bà không có yêu cầu gì về con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm Minh C và bà Nguyễn Thị A xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Lâm Minh C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 147; các Điều 227, 228, 254; 320; 321 và Điều 322 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lâm Minh C và bà Nguyễn Thị A là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Lâm Thành C, sinh năm 1994, đã thành niên ông C, bà A không có yêu cầu gì về con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không xem xét

4. Về án phí: Ông Lâm Minh C phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Lâm Minh C đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001607 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Ông Lâm Minh C được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 07 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

